

TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH
NĂM HỌC 2021 - 2022

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B04
BAN TỰ NHIÊN

STT	LỚP MỚI	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	ĐTB	HL	HK	LỚP CŨ
01	11B04	B04-01	Lê Cảnh Tuy Anh	7.90	Khá	Tốt	C08-03
02	11B04	B04-02	Nguyễn Chánh Tường Anh	8.70	Giỏi	Tốt	C08-04
03	11B04	B04-03	Lê Tú Anh	7.20	Khá	Tốt	C08-05
04	11B04	B04-04	Hồ Gia Bảo	7.40	Khá	Tốt	C08-06
05	11B04	B04-05	Phan Trần Thục Chi	8.40	Khá	Tốt	C08-08
06	11B04	B04-06	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	9.20	Giỏi	Tốt	C08-10
07	11B04	B04-07	Phạm Phi Dũng	8.20	Giỏi	Tốt	C08-11
08	11B04	B04-08	Võ Lê Hải Đăng	7.60	Khá	Tốt	C08-09
09	11B04	B04-09	Trần Quốc Hải	8.20	Giỏi	Tốt	C07-07
10	11B04	B04-10	Nguyễn Quốc Hào	7.70	Khá	Tốt	C07-09
11	11B04	B04-11	Lê Minh Hiếu	7.10	Khá	Tốt	C07-10
12	11B04	B04-12	Lê Quốc Hưng	8.00	Khá	Tốt	C08-16
13	11B04	B04-13	Trần Thanh Hương	8.30	Giỏi	Tốt	C08-17
14	11B04	B04-14	Kim Tấn Khang	7.60	Khá	Tốt	C06-20
15	11B04	B04-15	Nguyễn Lê Thập Khang	7.90	Khá	Tốt	C07-15
16	11B04	B04-16	Phạm Cao Khiêm	7.50	Khá	Tốt	C06-21
17	11B04	B04-17	Nguyễn Vương Đăng Khoa	7.80	Khá	Tốt	C07-17
18	11B04	B04-18	Nguyễn Đăng Khoa	8.10	Khá	Tốt	C08-19
19	11B04	B04-19	Bùi Võ Minh Khôi	7.80	Khá	Tốt	C08-20
20	11B04	B04-20	Trương Hoàng Lam	7.10	Trung bình	Tốt	C06-24
21	11B04	B04-21	Phạm Thị Ngọc Lan	8.10	Khá	Tốt	C06-25
22	11B04	B04-22	Phạm Văn Linh	7.80	Khá	Tốt	C06-26
23	11B04	B04-23	Thái Thị Linh	8.20	Khá	Tốt	C08-23
24	11B04	B04-24	Phạm Thị Hồng Mai	7.80	Khá	Tốt	C08-25
25	11B04	B04-25	Hồ Văn Mạnh	8.60	Giỏi	Tốt	C07-24
26	11B04	B04-26	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	7.80	Khá	Khá	C08-28
27	11B04	B04-27	Võ Thị Thu Nguyệt	8.70	Giỏi	Tốt	C08-29
28	11B04	B04-28	Trương Thị Hồng Nhi	7.60	Khá	Tốt	C08-31
29	11B04	B04-29	Đỗ Yên Nhi	7.80	Khá	Tốt	C08-32
30	11B04	B04-30	Ngô Vũ Thành Phát	7.80	Khá	Tốt	C07-27
31	11B04	B04-31	Trần Gia Phát	7.40	Khá	Tốt	C07-28
32	11B04	B04-32	Lê Huỳnh Minh Phú	8.10	Khá	Tốt	C07-29
33	11B04	B04-33	Lê Ngọc Phúc	7.90	Khá	Tốt	C08-33
34	11B04	B04-34	Nguyễn Thị Linh Phương	8.80	Giỏi	Tốt	C06-31
35	11B04	B04-35	Phạm Thanh Thảo	8.10	Giỏi	Tốt	C07-32
36	11B04	B04-36	Phan Yên Thảo	8.40	Giỏi	Tốt	C08-35
37	11B04	B04-37	Lâm Ngọc Anh Thư	7.70	Khá	Tốt	C07-36
38	11B04	B04-38	Vũ Duy Thúc	7.40	Khá	Tốt	C06-35
39	11B04	B04-39	Vũ Nguyễn Diễm Thùy	8.30	Khá	Tốt	C07-37
40	11B04	B04-40	Nguyễn Thị Huyền Trân	8.50	Giỏi	Tốt	C08-36
41	11B04	B04-41	Nguyễn Minh Trí	7.00	Trung bình	Khá	C07-43
42	11B04	B04-42	Bùi Vũ Minh Trật	7.80	Khá	Tốt	C06-39
43	11B04	B04-43	Trần Ngọc Phương Uyên	8.30	Khá	Tốt	C06-42
44	11B04	B04-44	Nguyễn Quốc Vinh	8.70	Giỏi	Tốt	C08-43
45	11B04	B04-45	Trần Duy Vương	6.70	Trung bình	Tốt	C08-44
46	11B04	B04-46	Hồ Ngọc Phương Vy	8.60	Khá	Tốt	C06-44